

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 130

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Bánh mì sandwich (thịt bò sốt vang, khoai tây, khoai lang, hạt cà ri, khoai môn, sả cây, sữa tươi, húng quế)
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cá chẽm sốt chua ngọt (cà chua, hành tây, nấm đùi gà, rau thì là)
- Canh nghêu nấu cải đúng, nấm kim châm
- Rau dền đỏ luộc
Xế: Dưa hấu
Xế chiều: Súp thịt heo rong biển, bắp hạt, nấm bào ngư, cà rốt, trứng gà, bột năng, hành lá, ngò rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0270	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cá m...)	1,000	6,280	62,800
2	0695	Dầu thực vật Tường An	600	3,140	18,840
3	0494	Đường cát	800	3,880	31,040
4	0523	Nước mắm loại I	1,800	4,400	79,200
5	N0966	Muối Iot	300	740	2,220
6	0004	Gạo tẻ máy	6,700	2,560	171,520
7	0120	Hành lá (hành hoa)	450	8,400	37,800
8	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,930	31,255
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	6,300	12,600
10	0185	Tỏi ta	200	7,460	14,920
11	0708	Bánh mì sandwich	6,000	4,620	277,200
12	N0861	Dầu màu điều	80	42,900	34,320
13	0686	Sữa tươi Vinamilk	880	4,091	36,001
14	0158	Rau húng	150	12,920	19,380
15	0031	Khoai lang	600	4,200	25,200
16	0033	Khoai môn	600	6,620	39,720
17	0037	Khoai tây	600	3,990	23,940
18	N0754	Sả cây	150	2,840	4,260
19	0286	Thịt bò loại II	1,300	36,750	477,750
20	0087	Cà chua	1,400	7,670	107,380
21	0121	Hành tây	400	3,570	14,280
22	0635	Nấm đùi gà	300	11,450	34,350
23	0183	Thì là	150	18,900	28,350
24	0727	Cá chẽm	6,700	22,050	1,477,350

25	0716	Cải dớn (nhúng)	3,000	6,300	189,000
26	N0965	Nấm kim châm	500	10,610	53,050
27	N0767	Rau dền đỏ	1,100	4,940	54,340
28	0439	Nghêu biển trắng (ngao)	3,000	6,300	189,000
29	N0763	Rong biển khô	80	160,600	128,480
30	0649	Bột năng	1,300	4,675	60,775
31	0007	Ngô bắp tươi	1,400	4,200	58,800
32	0223	Dưa hấu	7,500	2,310	173,250
33	N0778	Nấm bào ngư	700	13,130	91,910
34	0451	Trứng gà công nghiệp	600	7,333.3	44,000
35	0365	Thịt heo (nạc vai)	1,500	17,850	267,750
36	0457	Sữa bột toàn phần	2,136.44	20,500	437,970
Tổng cộng					4,810,001

Tổng tiền thực phẩm	4,810,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,810,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	30,414,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	30,414,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan